TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH T**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 18/9/2018
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà LÊ THỊ DUYÊN

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông LÊ CÔNG QUYỀN

2/ Bà DƯƠNG THỊ TƯ

- Thư ký phiên tòa: Bà LÊ THỊ HOÀNG YẾN - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh T tham gia phiên tòa: Bà NGUYỄN THỊ HUỲNH NHƯ - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 410/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2018 về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo Q định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2018/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **NGUYỄN THỊ N**, sinh năm 1987 - (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 31/4^{B}, ấp Long Khương, xã Long Thành Nam, huyện H, tỉnh T.

- *Bị đơn:* Anh **NGUYỄN VĂN Q**, sinh năm 1986 - (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà B22/5, Khu phố 1, thị trấn H, huyện H, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 6 năm 2018 và lời khai của chị Nguyễn Thị N trình bày như sau:

Về hôn nhân: Chị Ngân và anh Q tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn H, huyện H, tỉnh T ngày 19/8/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng thuê nhà trọ sống khoảng 06 tháng, đến khi chị Ngân mang thai thì vợ chồng về nhà cha mẹ ruột chị Ngân ở. Sau khi chị Ngân sinh con được 18 tháng thì vợ chồng sống chung tại nhà tập thể của cơ quan anh Q (Sân vận động huyện H) cho đến nay.

Trong thời gian chung sống do không phù hợp tính tình nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, đánh nhau, anh Q thường đi uống rượu về kiếm chuyện chửi mắng chị và cha mẹ, ông bà bên phía gia đình chị, tiền tự kiếm và tiêu xài riêng, anh Q không đưa tiền cho chị

để nuôi con và chi phí trong gia đình, do đó cuộc sống chung không có hạnh phúc. Năm 2016 chị Ngân làm đơn ly, do anh Q năn nỉ nên chị rút đơn; năm 2017 chị Ngân nộp đơn ly hôn lần thứ hai, khi hòa giải anh Q có viết giấy cam kết sửa đổi tính tình, nên chị rút đơn cho anh Q cơ hội sửa đổi, nhưng từ đó đến nay anh Q vẫn không sửa đổi tính tình. Chị Ngân đã về nhà mẹ ruột sống ly thân với anh Q từ tháng 5/2018 đến nay. Xét thấy chị không còn tình cảm với anh Q, cuộc sống chung cũng không có hạnh phúc nên chị Ngân yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn N Tâm, sinh ngày 30/7/2011 đang sống chung với chị Ngân. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Có 01 phần đất trống diện tích ngang 5m x dài 28m tọa lạc tại ấp Long Khương, xã Long Thành Nam, huyện H, tỉnh T, vợ chồng tự mua, do vợ chồng cùng đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngoài ra, không có tài sản chung nào khác cũng không ai nợ lại vợ chồng. Nếu ly hôn, về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải Q.

Về nợ chung: Không có, chị Ngân không yêu cầu Tòa án giải Q.

Anh Nguyễn Văn Q trình bày:

Về thời gian kết hôn, chung sống thống nhất theo lời trình bày của chị Ngân. Trong thời gian chung sống vợ chồng cũng không có mâu thuẫn gì lớn, do chị Ngân ít quan tâm đến việc nhà, anh có la rầy thì vợ chồng cãi nhau. Mỗi lần vợ chồng cãi nhau thì chị Ngân bỏ về nhà cha mẹ vợ sống, sau đó làm đơn xin ly hôn với anh vào năm 2016, năm 2017 nhưng chị Ngân đều rút đơn vợ chồng chung sống lại, ngoài ra không có mâu thuẫn gì khác. Từ ngày 01/6/2018 đến nay chị Ngân về nhà cha mẹ vợ sống, vợ chồng có gặp nhau, anh có kêu chị Ngân về nhà nhưng chị Ngân không chịu về. Xét thấy vợ chồng vẫn còn tình cảm, không có mâu thuẫn gì lớn nên anh Q không đồng ý ly hôn, vì ly hôn sẽ ảnh hưởng đến tâm lý của con.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung đúng như chị Ngân trình bày. Nếu ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị Ngân cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng có 01 phần đất đúng như chị Ngân trình bày, nếu ly hôn vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải Q.

Về nợ chung: Không có, anh Q không yêu cầu Tòa án giải Q.

Tại phiên tòa, chị Ngân trình bày ngoài bất đồng quan điểm sống, thì mâu thuẫn phát sinh do anh Q ghen tuông vô cớ, kiếm chuyện chửi mắng xúc phạm chị và gia đình bên chị nên vợ chồng không có hạnh phúc, do đó chị Ngân cương Q ly hôn; yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng; tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải Q. Anh Q không đồng ý ly hôn; nếu Tòa án xử cho ly hôn thì anh đồng ý giao con chung cho chị Ngân trực tiếp nuôi dưỡng; tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải Q.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải Q vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải Q vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ngân; giao con chung cho chị Ngân trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận chị Ngân không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi; về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải Q; về nợ chung không có; tính án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn Q tự nguyện chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong thời gian chung sống do bất đồng quan điểm, không phù hợp tính tình nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc, chị Ngân đã hai lần nộp đơn ly hôn tại Tòa án và đều rút đơn cho anh Q cơ hội sửa đổi, nhưng sau đó anh Q vẫn không thay đổi, anh chị đã sống ly thân từ tháng 5/2018 đến nay vẫn không thể hàn gắn được. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị Ngân đối với anh Q là có cơ sở chấp nhận.

[2] Về con chung: Anh chị thống nhất giao con chung cho chị Ngân trực tiếp nuôi dưỡng, xét thấy phù hợp với nguyện vọng của cháu Tâm và điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con chung của chị Ngân, chị Ngân không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con, nên ghi nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Ngân và anh Q tự thỏa thuận, ghi nhận anh chị không yêu cầu Tòa án giải Q.

Chị Ngân phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải Q vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

Q ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Q số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị N đối với anh Nguyễn Văn Q. Chị Ngân và anh Q không còn quyền và nghĩa vụ vợ chồng với nhau.

- Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng Nguyễn N Tâm, sinh ngày 30/7/2011, ghi nhận chị Ngân không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Anh Q có quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở anh Q thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận chị Ngân và anh Q không yêu cầu Tòa án giải Q.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Ngân đã nộp 300.000

đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0012041 ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh T, chị Ngân đã nộp xong án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh T để xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh T;
- VKSND tỉnh T;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THA DS huyện H;
- UBND thị trấn H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ VP-(D).